

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/10/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+RP2+RP1	7:25	15+0+0	0+0+0		12+6+4	0+0+0	
2		P3+AMD	7:25	12+10	0+0		10+12	0+0	
3		BK4+P4+AMD	7:25	3+14+5	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
4		P5+MRM+P7	9:25	15+1+0	0+0+0		10+3+9	0+0+0	chuyen 2 P5-MRM
5		P4+CTC1	9:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
6		AMD+P5	9:25	22+0	0+0		15+7	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	TO: P7 - RP2 - RP1	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - TDUNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN THANH	P7	60	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P7	61	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TIẾN	P7	67	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU HÙNG	P7	69	1	11	5	64	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG AN	P7	59	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	66	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THIÊN	P7	63	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN HỒNG HAI	P7	62	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THẾ KHUÔNG	P7	58	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHUÔNG	P7	64	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ TRUNG KIẾN	P7	57	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRUNG TUẤN	P7	67	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VIỆT HÙNG	P7	65	1	5		77	PSV	Vietnamese
14	MAI VĂN TOÀN	P7	56	1	11		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	14	14	106	1.000	5	12		
2	RP2	0	0	0	0	40	6		
3	RP1	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		14	14	106	1.000	65	22		
WEIGHT KG				106	1.000	65			

GRAND TOTAL:

1.171 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P3 - AMD	CREW: Phong - N.Anh - Q.Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ĐỨC HUNG	P3	91	1	5	10	52	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN ĐAM	P3	94	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN MINH HOAI	P3	86-87	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI SỸ CÔNG	P3	96	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	97	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THIÊN THANH	P3	88	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LÊ TUNG	P3	85	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐỨC HUNG	P3	95	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN SƠN	P3	89	1	6		58	GETRACO	Vietnamese
10	HA KIM LINH	P3	90	1	5		48	GETRACO	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THUY	P3	92	1	9		75	DK9	Vietnamese
12	BUI SONG TOAN	P3	93	1	7		71	DK9	Vietnamese
13	NGUYEN VAN MAU	AMD	58-59	2	9	100	63	HLJOC	Vietnamese
14	BUI KIEN DUC	AMD	68-69	2	10		87	HLJOC	Vietnamese
15	TANG XUAN CHIN	AMD	56-57	2	11		63	HLJOC	Vietnamese
16	ANTON VD MERWE	AMD	60-61	2	10	18	94	BAB /	S.African
17	K LỘC	AMD	55	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN THANH	AMD	50	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN SANH	AMD	70	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN THE	AMD	51-52	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	54	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT LAM	AMD	53	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	12	13	77	823	10	10		
2	AMD	10	15	75	721	118	12		
TOTAL		22	28	152	1.544	128	22		
WEIGHT KG				152	1.544	128			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2020	TO: BK4 - P4 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Vậ - VLin - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ.	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN LOI	BK4	42-43	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
2	VU QUANG VINH	BK4	44-45	2	10	40	75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN PHUC	BK4	40	1	10	17	59	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN THANH QUANG	P4	16	1	7		74	VIET PHAT	Vietnamese
5	LE HUY CHUONG	P4	10	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU THAO	P4	11	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
7	VU MANH HA	P4	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUY THAI	P4	06	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG HUU HAU	P4	13	1	9	35	90	KH-THAC	Vietnamese
10	VU BAO AN	P4	08	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG VINH	P4	19	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THAI SON	P4	17	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN HOANG	P4	12	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI MINH TUAN	P4	09	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	VU THANG	P4	15	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN NGOC TUAN	P4	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MANH KHOAN	P4	14	1	5	6	57	NIPI	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG HIEU	AMD	29-30	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
19	HO TRAN PHUONG DONG	AMD	27	1	10	7	60	KH-THAC	Vietnamese
20	VU MANH HA	AMD	32-33	2	6		85	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI BA HUNG*	AMD	31	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	DINH HUU TINH	AMD	34	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	3	5	37	196	57	0		
2	P4	14	14	89	1.006	41	11		
3	AMD	5	7	36	346	7	11		
TOTAL		22	26	162	1.548	105	22		
WEIGHT KG				162	1.548	105			

GRAND TOTAL: 1.815 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2020	TO: P5 - MRM - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Vận - V Linh - Năm	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG PHÚC	P5	82	1	4	100	48	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO HOANG TRỌNG	P5					84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	01	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÔNG VĂN THỊNH	P5	700	1	9		91	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC THANH	P5	81	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	94	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TUÂN	P5	84-85	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG BA VỊNH	P5	97	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO QUANG THẮNG	P5					80	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU VĂN ĐẠT	P5	95-96	2	16		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P5	02	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P5				24	65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỒNG GIANG	P5	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	P5				64	79	DVL	Vietnamese
15	VU HUY TOA	MRM	29	1	12		69	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	14	12	78	997	188	10	2	CHUYEN 2 PAX P5 SANG MRM
2	MRM	1	1	12	69	0	3		
3	P7	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		15	13	90	1.066	188	22		
WEIGHT KG				90	1.066	188			

GRAND TOAL: 1.344 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: P4 - CTC1	CREW: Phong - N.Anh - Q.Trường	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	29	1	6	40	68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHANH	P4	33	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ MẠNH DŨNG	P4	30	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	31	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	HÀ TÂN DŨNG	P4	32	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HỒNG TRUNG	P4	35	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	34	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC NHAN	P4	28	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MANH CUONG	P4	26	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐAM VĂN QUANG	P4	36	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN KHOAI	P4	25	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P4	27	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HUY ĐÌNH	P4	23-24	2	12		62	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC XUÂN	P4	37	1	8		53	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THÈ PHONG	CTC1	03-04	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
17	TÀ NGỌC THẠNH	CTC1	98	1	15	80	73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TÂM	CTC1	99	1	15		82	KH-THAC	Vietnamese
19	LẠI ANH TUẤN	CTC1	01-02	2	15		100	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NAM THẮNG	CTC1	600	1	13		105	KH-THAC	Vietnamese
21	CAO QUANG HÙNG	CTC1	05	1	10	17	110	CODIEN	Vietnamese
22	VU HOANG QUAN	CTC1	97	1	4		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	15	83	973	40	15		
2	CTC1	7	9	82	593	97	7		
TOTAL		22	24	165	1.566	137	22		
WEIGHT KG				165	1.566	137			

GRAND TOAL: 1.868 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 6	TO: AMD - P5	CREW: Vận - NPhú - DTùng	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THANH NGOAN	AMD	10-11	2	12		87	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC THU	AMD	98	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CHI CUÔNG	AMD	99,700	2	16	80	66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	05	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DOAN DUAN	AMD	02	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	09	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ QUANG HUÂN	AMD	06-07	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU CUÔNG	AMD	78-79	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VĂN GIANG	AMD	08	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ THANH TÙNG	AMD	04	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯỜNG ĐỨC HÙNG	AMD	03	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ VĂN SAU	AMD	01	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ PHAN NGỌC CHAU	AMD	83	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	96-97	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ ĐỨC TRUNG	AMD	93-95	3	17		60	CTY HA V	Vietnamese
16	TRẦN VIỆT TÙNG	AMD	86-87	2	8		58	CTY HA V	Vietnamese
17	TRẦN TRỌNG XUÂN	AMD	81-82	2	17		58	CTY HA V	Vietnamese
18	NGUYỄN MẬU THÔNG	AMD	85	1	10		78	CTY HA V	Vietnamese
19	TRẦN VĂN BAO	AMD	84	1	12		71	CTY HA V	Vietnamese
20	PHAN QUỐC HUY	AMD	91-92	2	10		68	CTY HA V	Vietnamese
21	CAO VĂN THẮNG	AMD	88-90	3	12		77	WOGC	Vietnamese
22	ĐO VĂN QUANG	AMD	80	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	34	203	1,490	80	15		
2	P5	0	0	0	0	0	7		
	TOTAL	22	34	203	1,490	80	22		
	WEIGHT KG			203	1,490	80			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN